TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2023/DS-ST
Ngày 29-9-2023
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Tới;

Bà Lê Trường An;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N2; địa chỉ: Số B L, Phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Văn N; địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 249/NHNoTVT-TH ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Chi nhánh); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Diễm P, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2023 của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông

Châu Văn N trình bày: Ngày 18 tháng 6 năm 2021, Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện T - tỉnh Cà Mau và ông Nguyễn Hồng N1 ký kết Hợp đồng tín dụng số: 7504 – LAV – 202103154/HĐTD. Nội dung hợp đồng thể hiện phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Mức dư nợ cao nhất 267.000.000 đồng. Số tiền vay cụ thể được tính cho từng lần nhận nợ và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Mục đích vay sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Mức lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ từng lần. Thời hạn của hạn mức tín dụng là 03 năm, kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Sau đó ông N1 nhận nợ theo Giấy nhận nợ ngày 11 tháng 01 năm 2022 số tiền 265.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Hồng N1 đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: A8 0331/HĐTC ngày 13 tháng 10 năm 2017 để thế chấp các thửa đất số 291; 268, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Các thửa đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA274742; CA274743, số vào sổ: CH00213; CH00214ngày 21 tháng 10 năm 2015 cho ông Nguyễn Hồng N1. Việc thế chấp được đăng ký biến động hợp lệ.

Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2023, ông N1 còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 307.200.000 đồng, trong đó nợ gốc 265.000.000 đồng, nợ lãi 42.200.000 đồng. Ngân hàng N2 Chi nhánh huyện T, tỉnh Cà Mau đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Hồng N1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông N1 cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hồng N1 và gia đình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N2 số tiền như đã nêu trên. Nếu ông N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N2 cho ông Nguyễn Hồng N1 vay với mục đích sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N1 cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các thông báo và quyết định tố tụng nhưng vợ chồng ông Nguyễn Hồng N1, bà Hà Diễm P vắng mặt không có lý do, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xủ vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho vợ chồng ông Nguyễn Hồng N1, bà Hà Diễm P cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên vợ chồng ông Nguyễn Hồng N1, bà Hà Diễm P không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù không có sự thừa nhận của vợ chồng ông Nguyễn Hồng N1 nhưng thông qua hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có chữ ký của ông N1 thì chứng tỏ ông N1 có vay tiền tại Ngân hàng N2 – Chi nhánh T. Theo hợp đồng tín dụng số 7504 – LAV – 202103154/HĐTD ngày 18 tháng 6 năm 2021 và giấy nhận nợ, ông N1 có vay 265.000.000 đồng để sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Số tiền vay được giải ngân ngày 11 tháng 01 năm 2022. Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2023, ông N1 còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 307.200.000 đồng, trong đó nợ gốc 265.000.000 đồng, nợ lãi 42.200.000 đồng. Do ông N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N2, buộc ông N1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên.

[5] Ngân hàng có yêu cầu các thành viên gia đình ông N1 trả nợ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp, vợ ông N1 là bà Hà Diễm P không ký kết hợp đồng nào. Ngân hàng không chứng minh được ông N1 đã dùng số tiền này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên áp dụng Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, không có căn cứ buộc bà P cùng trả nợ.

[6] Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Hồng N1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: A8 0331/HĐTC ngày 13 tháng 10 năm 2017 để thế chấp các thửa đất 291; 268 tờ bản đồ số 8 tọa

lạc tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận cho ông N1 và việc thế chấp được chỉnh lý biến động hợp lệ. Áp dụng các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự năm 2015, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu ông N1 không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông N1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông N1 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng phải có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1.

[7] Chi phí tố tụng: Trong quá trình tố tụng, tòa án có tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ để thu thập chứng cứ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có phát sinh chi phí tố tụng với số tiền là 400.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên ông N1 phải chịu chi phí tố tụng nêu trên. Nguyên đơn đã dự nộp trước nên ông N1 có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N1, bà Ú phải chịu là 307.200.000 đồng x 5% = 15.360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hồng N1 trả cho Ngân hàng N2 tổng số tiền 307.200.000 (ba trăm lẻ bảy triệu hai trăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc 265.000.000 (hai trăm sáu mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi 42.200.000 (bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 cho đến khi thực hiện xong nghãi vụ trả nợ, ông Nguyễn Hồng N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng tín dụng số 7504 – LAV – 202103154/HĐTD, ngày 18 tháng 6 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp ông Nguyễn Hồng N1 không thực hiện hoặc thực hiện không

đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng N2 có quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng các các thửa đất 291; 268 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA274742; CA274743 do UBND huyện T cấp ngày 21 tháng 10 năm 2015 số vào sổ: CH00213; CH00214 cho ông Nguyễn Hồng N1 để thu hồi nợ. Trường hợp tại thời điểm phát mại có tài sản gắn liền phát sinh thì cũng được xử lý để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Hồng N1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Nguyễn Hồng N1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng N2 có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA274742; CA274743 do UBND huyện T cấp ngày 21 tháng 10 năm 2015 số vào sổ: CH00213; CH00214 cho ông Nguyễn Hồng N1.

Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm nếu có người khác đang thực tế sống cùng hoặc đang quản lý sử dụng thì cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

3. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hồng N1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N2 số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng N1 phải chịu 15.360.000 (mười lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng N2 7.414.000 (bảy triệu bốn trăm mười bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng N2 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006815 ngày 11 tháng 5 năm 2023của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp